

Số: **34** /2020/QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày **25** tháng 11 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy định cưỡng chế thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai, quyết định công nhận hòa giải thành trong giải quyết tranh chấp đất đai trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định chi tiết thi hành Luật Đất đai;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 402/TTr-STNMT ngày 28 tháng 8 năm 2020.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về cưỡng chế thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai, quyết định công nhận hòa giải thành trong giải quyết tranh chấp đất đai trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

**Điều 2.** Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, địa phương liên quan tổ chức triển khai thực hiện và có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quyết định này; tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 12 năm 2020 và thay thế Quyết định số 03/2016/QĐ-UBND ngày 13/01/2016 của UBND tỉnh ban hành Quy định cưỡng chế thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai, quyết định công nhận hòa giải thành trong giải quyết tranh chấp đất đai trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

**Nơi nhận**

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- CT, Các PCT UBND tỉnh;
- Các Đoàn thể cấp tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Công TTĐT của tỉnh;
- Báo Đắk Lắk; Đài TTTH Đắk Lắk;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NNMT (V-80b).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Phạm Ngọc Nghị**

## QUY ĐỊNH

Về việc **cưỡng chế thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai, quyết định công nhận hòa giải thành trong giải quyết tranh chấp đất đai trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số **34** /2020/QĐ-UBND ngày **25** tháng **11** năm 2020 của UBND tỉnh Đắk Lắk)

### Chương I

#### QUY ĐỊNH CHUNG

##### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định chi tiết về nguyên tắc, điều kiện, thẩm quyền, trình tự, thủ tục và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến việc cưỡng chế thực hiện quyết định giải quyết tranh chấp đất đai, quyết định công nhận hòa giải thành trong giải quyết tranh chấp đất đai do Chủ tịch UBND tỉnh và Chủ tịch UBND cấp huyện ban hành đã có hiệu lực pháp luật trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk (sau đây gọi là *cưỡng chế*) nhưng một hoặc các bên có liên quan không tự nguyện chấp hành, trừ bản án, quyết định công nhận hòa giải thành của Tòa án nhân dân các cấp.

##### Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân phải chấp hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai, quyết định công nhận hòa giải thành trong giải quyết tranh chấp đất đai đã có hiệu lực pháp luật nhưng không tự nguyện chấp hành và một trong các bên tranh chấp có đơn đề nghị cưỡng chế.

2. Người có thẩm quyền, cơ quan chịu trách nhiệm tổ chức thi hành quyết định cưỡng chế và các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan đến việc thi hành quyết định cưỡng chế theo Quy định này.

##### Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong quy định này, một số thuật ngữ được hiểu như sau:

1. *Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai* là quyết định hành chính do người có thẩm quyền trong cơ quan hành chính nhà nước ban hành theo trình tự, thủ tục do pháp luật quy định để giải quyết các tranh chấp đất đai.

2. *Quyết định công nhận hòa giải thành* là quyết định hành chính do người có thẩm quyền trong cơ quan hành chính nhà nước ban hành trong quá trình giải quyết tranh chấp đất đai mà việc tranh chấp đã được các bên tranh chấp thỏa thuận giải quyết.

3. *Người phải chấp hành* là tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và người có liên quan phải chấp hành quyết định giải quyết

tranh chấp đất đai, quyết định công nhận hòa giải thành.

4. *Người bị cưỡng chế* là tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, cơ sở tôn giáo; tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao; người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và người có liên quan phải chấp hành quyết định cưỡng chế.

5. *Đối tượng bị cưỡng chế* là tất cả đồ vật, sự vật nằm trong phạm vi diện tích đất bị cưỡng chế như: Nhà cửa, vật kiến trúc, cây trồng, vật nuôi... gắn liền với đất và những đồ vật khác nằm trong phạm vi diện tích đất bị cưỡng chế.

#### **Điều 4. Nguyên tắc thực hiện cưỡng chế**

1. Việc cưỡng chế phải tiến hành công khai, dân chủ, khách quan, bảo đảm trật tự, an toàn, đúng quy định của pháp luật và việc cưỡng chế chỉ được thực hiện khi có quyết định cưỡng chế của người có thẩm quyền.

2. Thời điểm bắt đầu tiến hành cưỡng chế được thực hiện trong giờ hành chính.

3. Không thực hiện cưỡng chế trong thời gian từ 22 giờ đến 06 giờ sáng ngày hôm sau; các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật; trong thời gian 15 ngày trước và sau tết nguyên đán; các ngày truyền thống đối với các đối tượng chính sách nếu họ là người bị cưỡng chế và các trường hợp đặc biệt khác làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội, phong tục, tập quán tại địa phương.

#### **Điều 5. Điều kiện thực hiện cưỡng chế**

1. Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai, quyết định công nhận hòa giải thành trong giải quyết tranh chấp đất đai đã có hiệu lực thi hành mà các bên hoặc một trong các bên tranh chấp không chấp hành quyết định và đã được UBND cấp xã, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã nơi có đất tranh chấp đã vận động, thuyết phục mà không chấp hành.

2. Quyết định cưỡng chế thực hiện quyết định giải quyết tranh chấp đất đai, quyết định công nhận hòa giải thành trong giải quyết tranh chấp đất đai đã có hiệu lực thi hành; đã được niêm yết công khai tại trụ sở UBND cấp xã, địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư (như: Tổ dân phố, nhà văn hóa thôn, buôn, khối,...) nơi có đất tranh chấp.

3. Người bị cưỡng chế đã nhận được Quyết định cưỡng chế.

Trường hợp người bị cưỡng chế từ chối không nhận quyết định cưỡng chế hoặc vắng mặt khi giao quyết định cưỡng chế thì UBND cấp xã lập biên bản và có xác nhận của trưởng thôn, buôn, hoặc tổ trưởng tổ dân phố.

#### **Điều 6. Thẩm quyền ban hành quyết định cưỡng chế**

Chủ tịch UBND cấp huyện nơi có đất tranh chấp ban hành quyết định cưỡng chế thực hiện quyết định giải quyết tranh chấp đất đai, quyết định công nhận hòa giải thành trong giải quyết tranh chấp đất đai do Chủ tịch UBND tỉnh và Chủ tịch UBND cấp huyện ban hành và tổ chức thực hiện quyết định cưỡng chế.

#### **Điều 7. Thời hạn thi hành quyết định cưỡng chế**

Thời hạn thi hành quyết định cưỡng chế là 30 ngày, kể từ ngày các bên nhận được quyết định cưỡng chế. Trong trường hợp khó khăn, phức tạp Ban thực hiện cưỡng chế báo cáo và kiến nghị người có thẩm quyền xem xét gia hạn. Việc

gia hạn chỉ được thực hiện một lần và thời gian gia hạn không quá 15 ngày, kể từ ngày ký quyết định gia hạn.

## **Chương II**

### **TRÌNH TỰ, THỦ TỤC THỰC HIỆN CƯỠNG CHẾ**

#### **Điều 8. Xác minh điều kiện bảo đảm thi hành quyết định cưỡng chế**

1. Sau khi nhận được đơn yêu cầu thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai, quyết định công nhận hòa giải thành trong giải quyết tranh chấp đất đai của một trong các bên tranh chấp đất đai, trong thời hạn ba (03) ngày làm việc Chủ tịch UBND cấp huyện giao Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan và UBND cấp xã nơi có đất tranh chấp tiến hành xác minh các điều kiện bảo đảm cưỡng chế thi hành quyết định đã có hiệu lực pháp luật.

2. Cơ quan được giao xác minh các điều kiện bảo đảm thi hành quyết định cưỡng chế có trách nhiệm:

a) Rà soát điều kiện thực hiện cưỡng chế quy định tại Điều 5 Quy định này. Nếu điều kiện chưa đảm bảo thì đề nghị với cơ quan, tổ chức có liên quan hoặc UBND cấp xã nơi có đất tranh chấp thực hiện các công việc để đảm bảo điều kiện cưỡng chế.

b) Thu thập thông tin về người phải chấp hành, bao gồm các thông tin về: tên, tuổi, địa chỉ, nhân thân, hoàn cảnh gia đình, nơi cư trú, nơi công tác, sức khỏe và một số thông tin khác nếu thấy cần thiết.

Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan lưu giữ hoặc có các thông tin về người phải chấp hành có trách nhiệm cung cấp thông tin, tài liệu khi nhận được yêu cầu, đề nghị của cơ quan có thẩm quyền. Trường hợp từ chối phải nêu rõ lý do bằng văn bản.

c) Khảo sát hiện trạng diện tích đất thuộc đối tượng cưỡng chế nhằm xác định rõ tình trạng của đất chuẩn bị cưỡng chế. Trường hợp trên đất cưỡng chế có tài sản, công trình xây dựng, vật kiến trúc khác thì phải xác định rõ số lượng, loại công trình, thời điểm hình thành, đồng thời xử lý như sau:

- Nếu tài sản, công trình, vật kiến trúc phát sinh sau khi có quyết định giải quyết tranh chấp đất đai, quyết định công nhận hòa giải thành trong giải quyết tranh chấp đất đai thì lập biên bản yêu cầu người có tài sản, công trình xây dựng, vật kiến trúc tự tháo dỡ, di chuyển ra khỏi diện tích đất thuộc đối tượng cưỡng chế để phục vụ công tác cưỡng chế.

- Nếu tài sản, công trình, vật kiến trúc có trước khi có quyết định giải quyết tranh chấp đất đai, quyết định công nhận hòa giải thành thì làm việc với người có tài sản, công trình, vật kiến trúc để xác định rõ các yêu cầu của người có tài sản, công trình, vật kiến trúc đó, cụ thể:

+ Trường hợp người có tài sản, công trình, vật kiến trúc không có yêu cầu thì lập biên bản hoặc thông báo bằng văn bản yêu cầu người có tài sản, công trình, vật kiến trúc tự tháo dỡ, di chuyển ra khỏi diện tích đất thuộc đối tượng cưỡng chế để phục vụ công tác cưỡng chế.

+ Trường hợp người có tài sản, công trình, vật kiến trúc có yêu cầu về tài sản hoặc bồi thường thiệt hại thì báo cáo Chủ tịch UBND cấp huyện biết để chỉ đạo xử lý theo quy định của pháp luật.

d) Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày có văn bản giao nhiệm vụ xác minh tại Khoản 1, Điều này, Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện phải có báo cáo bằng văn bản, tham mưu Chủ tịch UBND cùng cấp ban hành quyết định cưỡng chế và thành lập Ban thực hiện cưỡng chế.

3. Trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Chủ tịch UBND cấp huyện phải ban hành quyết định cưỡng chế và thành lập Ban thực hiện cưỡng chế.

### **Điều 9. Ban hành Quyết định cưỡng chế**

Chủ tịch UBND cấp huyện ban hành quyết định cưỡng chế. Quyết định cưỡng chế bao gồm các nội dung chính sau đây:

- Căn cứ ban hành quyết định cưỡng chế;
- Họ, tên, địa chỉ của người bị cưỡng chế;
- Nội dung cưỡng chế (*trong đó, phải ghi cụ thể thông tin về thửa đất thực hiện cưỡng chế*);
- Lý do và phương pháp cưỡng chế;
- Thời gian, địa điểm thực hiện cưỡng chế;
- Trách nhiệm tổ chức thi hành quyết định cưỡng chế (*trong đó phải ghi rõ người chủ trì thực hiện cưỡng chế*);
- Quyền và nghĩa vụ của người bị cưỡng chế.

### **Điều 10. Ban hành quyết định thành lập Ban thực hiện cưỡng chế**

Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định thành lập Ban thực hiện cưỡng chế. Thành phần Ban thực hiện cưỡng chế gồm:

- Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch UBND cấp huyện là trưởng ban;
- Thành viên đại diện cho các cơ quan cấp huyện gồm: thanh tra, tư pháp, tài nguyên và môi trường, xây dựng; đại diện lãnh đạo UBND cấp xã nơi có đất và tùy theo tính chất của từng vụ việc, Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định bổ sung thành viên Ban thực hiện cưỡng chế cho phù hợp.

### **Điều 11. Gửi, niêm yết công khai quyết định cưỡng chế**

1. Trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày ban hành quyết định cưỡng chế, quyết định thành lập Ban thực hiện cưỡng chế, Ban thực hiện cưỡng chế có trách nhiệm gửi, niêm yết công khai quyết định cưỡng chế theo quy định tại Khoản 2 và Khoản 3, Điều này.

2. Quyết định cưỡng chế được giao trực tiếp hoặc gửi qua bưu điện bằng hình thức bảo đảm (*đối với trường hợp người bị cưỡng chế cư trú, công tác ngoài địa bàn tỉnh*) và thông báo cho người bị cưỡng chế biết.

a) Trường hợp quyết định cưỡng chế được giao trực tiếp mà người bị cưỡng chế từ chối nhận hoặc vắng mặt (*tại nơi cư trú hoặc không đến làm việc theo giấy mời*) thì đại diện Ban thực hiện cưỡng chế lập biên bản về việc từ chối nhận quyết định hoặc vắng mặt, có xác nhận của UBND cấp xã nơi cư trú của người bị cưỡng

ché, có đại diện tổ dân phố, thôn, buôn, khối, ... hoặc có 02 người chứng kiến thì được coi là quyết định đã được giao.

b) Trường hợp gửi qua bưu điện bằng hình thức bảo đảm, nếu sau thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày quyết định cưỡng chế đã được gửi qua đường bưu điện đến lần thứ ba mà bị trả lại do người bị cưỡng chế cố tình không nhận và quyết định cưỡng chế đã được niêm yết theo quy định tại Khoản 3, Điều này hoặc có căn cứ cho rằng người bị cưỡng chế trốn tránh không nhận quyết định cưỡng chế thì coi như quyết định cưỡng chế đã được gửi cho người bị cưỡng chế.

c) Quyết định cưỡng chế phải được gửi cho các bên liên quan trong tranh chấp đất đai, UBND cấp xã, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã nơi thực hiện việc cưỡng chế và các tổ chức, cá nhân liên quan.

### 3. Niêm yết công khai quyết định cưỡng chế

a) Chậm nhất sau 02 ngày làm việc, kể từ ngày ban hành quyết định cưỡng chế, Ban thực hiện cưỡng chế phối hợp với UBND cấp xã nơi thực hiện cưỡng chế tổ chức niêm yết công khai quyết định cưỡng chế tại trụ sở UBND cấp xã và địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất tranh chấp cưỡng chế trong vòng 07 (bảy) ngày liên tục kể từ ngày niêm yết;

b) Việc niêm yết và kết thúc niêm yết phải được lập thành văn bản có ký xác nhận của cơ quan tổ chức niêm yết, tổ trưởng tổ dân phố (thôn, buôn, khu dân cư), chính quyền địa phương nơi có đất tranh chấp bị cưỡng chế.

### **Điều 12. Xây dựng, phê duyệt kế hoạch tiến hành cưỡng chế**

1. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày ban hành quyết định thành lập Ban thực hiện cưỡng chế, Ban thực hiện cưỡng chế có trách nhiệm xây dựng kế hoạch tiến hành cưỡng chế trình Chủ tịch UBND cấp huyện nơi có đất tranh chấp phê duyệt.

2. Kế hoạch tiến hành cưỡng chế phải có các nội dung: Căn cứ pháp lý; mục đích, yêu cầu; nội dung thực hiện cưỡng chế; họ tên, địa chỉ của người bị cưỡng chế; thời gian, địa điểm thực hiện cưỡng chế; phân công nhiệm vụ cho từng thành viên; các điều kiện đảm bảo thực hiện cưỡng chế; dự kiến tình huống có thể phát sinh, phương án ứng phó; phương án bố trí chỗ ở cho người bị di chuyển chỗ ở nhưng không có chỗ ở nào khác (nếu có); kinh phí cưỡng chế và những nội dung khác có liên quan.

3. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Kế hoạch tiến hành cưỡng chế, Chủ tịch UBND cấp huyện phải xem xét phê duyệt kế hoạch tiến hành cưỡng chế.

Sau khi kế hoạch tiến hành cưỡng chế được phê duyệt, Ban thực hiện cưỡng chế họp triển khai, phổ biến kế hoạch cưỡng chế và phân công nhiệm vụ cụ thể đến các thành viên; thành phần, lực lượng trực tiếp cưỡng chế; thành phần, lực lượng tham gia cưỡng chế; ban hành thông báo cưỡng chế thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai, quyết định công nhận hòa giải thành trong giải quyết tranh chấp đất đai, yêu cầu đối với người bị cưỡng chế, người có quyền và nghĩa vụ liên quan trước khi bắt đầu thực hiện cưỡng chế.

4. Ban thực hiện cưỡng chế phối hợp với cơ quan Công an cấp huyện, xã xây dựng phương án đảm bảo trật tự, an toàn trong quá trình thi hành quyết định cưỡng chế; mời cơ quan báo chí, đài truyền thanh, truyền hình (nếu cần thiết) để

kip thời thông tin đến người dân.

### **Điều 13. Vận động, thuyết phục, đối thoại và thông báo cưỡng chế**

1. Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày kế hoạch thực hiện cưỡng chế được phê duyệt, Ban thực hiện cưỡng chế phối hợp với chính quyền địa phương, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã vận động, thuyết phục, đối thoại với người bị cưỡng chế; người có quyền và nghĩa vụ liên quan; tùy trường hợp cụ thể, Ban thực hiện cưỡng chế mời đại diện tổ chức chính trị - xã hội cùng tham gia.

2. Trường hợp người bị cưỡng chế tự nguyện chấp hành thì Ban thực hiện cưỡng chế lập biên bản ghi nhận việc chấp hành và phải được các thành phần tham gia, người bị cưỡng chế ký tên hoặc điểm chỉ; việc thực hiện các nội dung trong quyết định giải quyết tranh chấp đất đai, quyết định công nhận hòa giải thành được thực hiện ngay sau khi lập biên bản dưới sự giám sát của Ban thực hiện cưỡng chế.

3. Nếu người bị cưỡng chế không tự nguyện chấp hành sau khi đã vận động, thuyết phục, Ban thực hiện cưỡng chế lập biên bản vận động, thuyết phục không thành và thông báo thời gian cưỡng chế bằng văn bản đến người bị cưỡng chế, thời hạn cưỡng chế sau 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày thông báo. Thông báo cưỡng chế phải có các nội dung cơ bản: Đối tượng bị cưỡng chế; thời gian, địa điểm cưỡng chế; yêu cầu người bị cưỡng chế, người có quyền và nghĩa vụ liên quan có tài sản trên đất phải di dời tài sản ra khỏi nơi thực hiện cưỡng chế. Thông báo cưỡng chế phải được niêm yết công khai tại UBND cấp xã và địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất tranh chấp bị cưỡng chế.

4. Trường hợp không thể xác định được địa chỉ cụ thể của người bị cưỡng chế thì Ban thực hiện cưỡng chế phối hợp UBND cấp xã nơi thực hiện cưỡng chế tổ chức niêm yết công khai thông báo cưỡng chế tại trụ sở UBND cấp xã và địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi thực hiện việc cưỡng chế trước khi thực hiện cưỡng chế ít nhất 03 (ba) ngày.

### **Điều 14. Tổ chức thực hiện cưỡng chế**

1. Trên cơ sở quyết định cưỡng chế, kế hoạch tiến hành cưỡng chế đã được phê duyệt, Ban thực hiện cưỡng chế phối hợp với các cơ quan tiến hành cưỡng chế ngoài thực địa với sự tham gia chứng kiến của đại diện Ủy ban Mặt trận tổ quốc cấp xã, đại diện tổ dân phố, thôn, buôn, khu dân cư nơi có đất cưỡng chế.

2. Trước khi bắt đầu cưỡng chế, Trưởng Ban thực hiện cưỡng chế đọc, công bố công khai nội dung quyết định cưỡng chế, biện pháp cưỡng chế, thời hạn thực hiện việc cưỡng chế; nêu rõ quyền và nghĩa vụ của người bị cưỡng chế, người thực hiện cưỡng chế, người có quyền và nghĩa vụ liên quan.

a) Trường hợp người bị cưỡng chế, người có nghĩa vụ liên quan có tình vắng mặt tại buổi cưỡng chế thì vẫn tiến hành cưỡng chế nhưng phải có đại diện của chính quyền địa phương và ít nhất 02 người chứng kiến.

b) Trường hợp trước khi cưỡng chế, nếu người bị cưỡng chế tự nguyện thì hành quyết định cưỡng chế thì Ban thực hiện cưỡng chế lập thủ tục theo quy định tại Khoản 2 Điều 13 của Quy định này.

c) Trường hợp nếu người bị cưỡng chế, người có nghĩa vụ liên quan không tự nguyện chấp hành thì Ban thực hiện cưỡng chế lập biên bản ghi nhận việc không tự nguyện chấp hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai, quyết định công nhận hòa giải thành trong giải quyết tranh chấp đất đai đã có hiệu lực pháp luật; đồng thời tiếp tục tổ chức thực hiện vận động, thuyết phục, đối thoại và yêu cầu người bị cưỡng chế, người có nghĩa vụ liên quan có tài sản trên đất phải tự di dời ngay tài sản ra khỏi nơi thực hiện cưỡng chế, nếu cố tình không thực hiện thì Ban thực hiện cưỡng chế lập biên bản vận động, thuyết phục, đối thoại không thành và yêu cầu lực lượng cưỡng chế đưa người bị cưỡng chế ra khỏi nơi cưỡng chế; đồng thời thực hiện tháo dỡ nhà, các công trình, vật kiến trúc, di dời tài sản, vật nuôi ra khỏi nơi cưỡng chế theo quy định;

d) Việc cưỡng chế phải được lập thành biên bản, giao cho người bị cưỡng chế một bản; biên bản phải được thành phần tham dự cưỡng chế ký tên; trường hợp vắng mặt hoặc từ chối ký biên bản thì phải ghi lý do vào biên bản.

3. Ngay sau khi thực hiện xong việc cưỡng chế ngoài thực địa, Ban thực hiện cưỡng chế đề nghị cơ quan chức năng có thẩm quyền đo đạc và lập biên bản bàn giao đất tại thực địa cho người sử dụng hợp pháp, biên bản bàn giao đất phải có chữ ký của đại diện Ban thực hiện cưỡng chế, người nhận bàn giao đất và xác nhận của chính quyền địa phương.

Trong thời gian 02 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc cưỡng chế ngoài thực địa, Ban thực hiện cưỡng chế họp đánh giá kết quả thực hiện cưỡng chế và báo cáo kết quả cưỡng chế đến người ra quyết định cưỡng chế.

### **Điều 15. Kết thúc việc cưỡng chế**

Kết thúc việc cưỡng chế, Chủ tịch UBND cấp huyện giao cơ quan chuyên môn thực hiện các công việc sau đây:

1. Lưu giữ hồ sơ cưỡng chế, hồ sơ cưỡng chế bao gồm:

a) Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai, quyết định công nhận hòa giải thành có hiệu lực pháp luật;

b) Báo cáo kết quả xác minh về các điều kiện bảo đảm thi hành quyết định cưỡng chế;

c) Quyết định cưỡng chế; Quyết định thành lập Ban thực hiện cưỡng chế;

d) Kế hoạch thực hiện cưỡng chế được phê duyệt;

đ) Thông báo cưỡng chế;

e) Các biên bản gửi, công khai, niêm yết quyết định cưỡng chế, thông báo thời gian cưỡng chế; Biên bản vận động, giải thích, thuyết phục; Biên bản cưỡng chế; Biên bản tạm quản lý tài sản cưỡng chế; Biên bản bàn giao bảo quản tài sản tạm quản lý; Biên bản cưỡng chế hoặc biên bản thỏa thuận thành của các bên tranh chấp hoặc biên bản ghi nhận chấp hành của người bị cưỡng chế và các biên bản khác;

f) Thông báo nhận tài sản;

g) Hình ảnh, thiết bị lưu giữ ghi hình, ghi âm (nếu có) và các văn bản khác.

Tài liệu trong hồ sơ phải đánh số thứ tự, lập bảng kê tài liệu và được lưu giữ tại cơ quan chủ trì thực hiện cưỡng chế theo quy định của pháp luật.

2. Sao gửi 01 bộ hồ sơ đến cơ quan tài nguyên và môi trường cùng cấp để quản lý, theo dõi.

### **Điều 16. Xử lý tài sản sau khi thực hiện quyết định cưỡng chế**

Trường hợp người bị cưỡng chế, người có quyền và nghĩa vụ liên quan từ chối nhận tài sản đã được di dời khỏi nơi cưỡng chế, thì Ban thực hiện cưỡng chế xử lý như sau:

1. Đối với tài sản không bảo quản được, dễ hư hỏng (*thủy sản, hoa màu, hàng tươi sống, thực phẩm và các vật phẩm khác*) thì Ban thực hiện cưỡng chế thông báo cho chủ sở hữu tài sản nhận ngay sau khi tiến hành cưỡng chế. Việc thông báo phải được lập biên bản, nếu người bị cưỡng chế từ chối nhận tài sản thì Ban thực hiện cưỡng chế chủ trì phối hợp với cơ quan tài chính hoặc tổ chức do UBND cấp huyện thành lập bán thanh lý tài sản; chủ tài sản phải chấp nhận kết quả bán thanh lý tài sản và chịu trách nhiệm về những thiệt hại, chênh lệch giá đối với tài sản (nếu có).

Việc bán tài sản phải được lập thành biên bản, có chữ ký của thành phần tham gia bán tài sản, chủ sở hữu tài sản (nếu có), đại diện chính quyền địa phương, người chứng kiến, người mua tài sản.

Số tiền bán tài sản thu được, sau khi trừ các chi phí cho việc vận chuyển, bảo quản, xử lý tài sản sẽ được gửi tiết kiệm loại không kỳ hạn tại tổ chức tín dụng và thông báo cho cá nhân, tổ chức có tài sản biết để nhận khoản tiền còn lại.

2. Đối với tài sản bảo quản được, Ban thực hiện cưỡng chế lập biên bản, ghi rõ số lượng, chủng loại, tình trạng loại tài sản, chủ sở hữu tài sản (*nếu có giấy tờ, chứng cứ xác định được chủ sở hữu*) và lập biên bản bàn giao cho UBND cấp xã nơi có đất bị cưỡng chế bảo quản hoặc cơ quan có trách nhiệm chủ trì thực hiện cưỡng chế thuê tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện để trông giữ, bảo quản tài sản; biên bản phải ký tên hoặc điểm chỉ của đại diện bên bàn giao, bên nhận bảo quản tài sản tạm quản lý, chủ sở hữu tài sản, đại diện chính quyền địa phương hoặc 02 người chứng kiến.

3. Đối với các tài sản như vật liệu nổ công nghiệp hoặc các tài sản khác mà người bị cưỡng chế không được phép quản lý, lưu giữ, sử dụng theo quy định của pháp luật thì Ban thực hiện cưỡng chế phải lập biên bản và bàn giao cho cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành để quản lý, xử lý theo quy định của pháp luật.

Người bị cưỡng chế phải chịu toàn bộ các chi phí cho việc vận chuyển, quản lý, bảo quản tài sản.

4. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc việc cưỡng chế, Ban thực hiện cưỡng chế phải ban hành thông báo nhận tiền, tài sản cho người bị cưỡng chế, người có quyền và nghĩa vụ liên quan; niêm yết công khai thông báo tại UBND cấp xã nơi thực hiện cưỡng chế, thông báo thời gian, địa điểm để chủ sở hữu, người sử dụng hợp pháp nhận tiền, tài sản; niêm yết phải lập thành biên bản.

5. Trường hợp quá 06 tháng, kể từ ngày niêm yết công khai thông báo nhận tiền, tài sản quy định tại Khoản 4, Điều này mà chủ sở hữu tài sản không đến nhận tiền, tài sản thì cơ quan chủ trì cưỡng chế trình người ban hành quyết định cưỡng chế thành lập Hội đồng định giá tài sản để bán đấu giá theo quy định của pháp luật; số tiền thu được, sau khi trừ các chi phí cho việc bán đấu giá tài sản, vận chuyển, trông giữ, bảo quản, xử lý tài sản sẽ được gửi tiết kiệm loại không kỳ hạn